

Số: 18 /2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế Nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng – Chuyển giao;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư và chi phí lựa chọn nhà đầu tư;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 380/TTr-SKHĐT

ngày 10 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng.

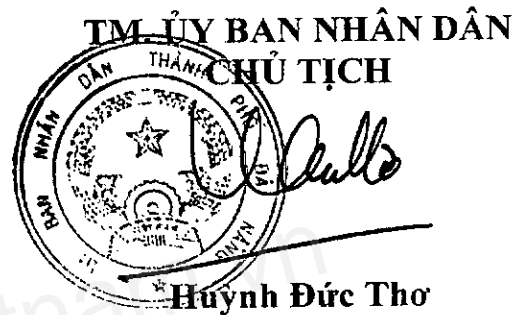
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Bộ KH&ĐT, Xây dựng, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- UBMTTQVN TPĐN;
- Kiểm toán NN KV3;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể;
- UBND quận, huyện;
- TT THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH Đà Nẵng, Báo Đà Nẵng;
- VP UBND thành phố;
- CVP và các PCVP UBND thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố ĐN, Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, QLĐTư.

90



QUY ĐỊNH

**Về đầu tư theo hình thức đối tác công tư
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18../2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2016
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân công, phân cấp quản lý và hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Những nội dung có liên quan đến đầu tư theo hình thức PPP không được quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ và các quy định, hướng dẫn có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Lĩnh vực đầu tư và phân loại dự án

Lĩnh vực đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, cụ thể:

1. Dự án xây dựng, cải tạo, vận hành, kinh doanh, quản lý công trình kết cấu hạ tầng, cung cấp trang thiết bị hoặc dịch vụ công gồm:

a) Công trình kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và các dịch vụ có liên quan;

b) Hệ thống chiếu sáng; hệ thống cung cấp nước sạch; hệ thống thoát nước; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải; nhà ở xã hội; nhà ở tái định cư; nghĩa trang;

- c) Nhà máy điện, đường dây tải điện;
- d) Công trình kết cấu hạ tầng y tế, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể thao và các dịch vụ liên quan; trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước;
- đ) Công trình kết cấu hạ tầng thương mại, khoa học và công nghệ, khí tượng thủy văn, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; ứng dụng công nghệ thông tin;
- e) Công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và dịch vụ phát triển liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;
- g) Các lĩnh vực khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Dự án quy định tại Khoản 1 Điều này được phân loại theo quy định của pháp luật về đầu tư công, gồm dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A, B và C.

Điều 4. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án

1. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án PPP được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chịu trách nhiệm bố trí nguồn vốn ngân sách để thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án PPP theo quy định.

2. Trường hợp nhà đầu tư chủ động lập đề xuất dự án, nhà đầu tư tự chịu chi phí lập đề xuất dự án và không được hoàn trả trong trường hợp đề xuất dự án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Thẩm quyền trong triển khai dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

1. Đối với các tất cả dự án PPP, UBND thành phố là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện thẩm quyền của mình theo quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Điều 73 Luật đấu thầu; Khoản 3 Điều 84 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/ 3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư và các quy định khác có liên quan.

a) Đối với dự án nhóm A: UBND thành phố là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án. UBND thành phố giao sở, ngành, Ban QLDA chuyên ngành làm cơ quan chuẩn bị dự án chịu trách nhiệm lập đề xuất dự án (Đối với dự án do cơ quan nhà nước đề xuất), lập báo cáo nghiên cứu khả thi; làm bên mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án thuộc lĩnh vực, chuyên ngành phụ trách; tham mưu UBND thành phố ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C: UBND thành phố ủy quyền cho các sở, ngành, Ban QLDA chuyên ngành và UBND quận, huyện là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án, cụ thể như sau:

- Ủy quyền cho UBND quận, huyện ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm C mà UBND quận, huyện là đơn vị quản lý dự án sau đầu tư và các công trình khác do UBND thành phố giao.

- Ủy quyền cho Sở, ngành, Ban QLDA chuyên ngành ký kết và thực hiện hợp đồng dự án nhóm B, C thuộc lĩnh vực, chuyên ngành phụ trách và các dự án khác do UBND thành phố giao.

- Giao cơ quan được ủy quyền là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (nhóm B, nhóm C) đồng thời là cơ quan chuẩn bị dự án, là bên mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trình thẩm định, UBND thành phố phê duyệt theo quy định và thực hiện ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư.

2. Cơ quan đầu mối quản lý hoạt động PPP là Sở Kế hoạch và Đầu tư; chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định các thủ tục về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư do UBND thành phố phê duyệt; tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách để thực hiện chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án PPP.

3. Đối với một số dự án cụ thể khác, UBND thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 6. Thủ tục và trình tự thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư

1. Lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án và công bố dự án.
2. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (trừ dự án nhóm C).
3. Sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư (nếu có).
4. Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.
5. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán và ký kết thỏa thuận đầu tư.
6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (dự án nhóm A, nhóm B), thành lập doanh nghiệp dự án và ký kết hợp đồng dự án.
7. Triển khai dự án.
8. Quyết toán và chuyển giao công trình.

Chương II XÂY DỰNG VÀ CÔNG BỐ DỰ ÁN

Điều 7. Lựa chọn dự án

1. Các sở, ngành, ban QLDA chuyên ngành, UBND quận, huyện căn cứ các điều kiện về lựa chọn dự án được quy định tại Điều 15 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề xuất danh mục dự án

PPP. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất, nhà đầu tư căn cứ các điều kiện về lựa chọn dự án được quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ để đề xuất dự án.

Trên cơ sở nhu cầu bằng văn bản của các sở, ngành, ban QLDA chuyên ngành, UBND quận, huyện và các nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất UBND thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương nghiên cứu dự án theo hình thức đối tác công tư (trong đó sẽ quy định cụ thể cơ quan chuẩn bị dự án). Cơ quan chuẩn bị dự án có thể thuê tư vấn hỗ trợ lập toàn bộ hoặc một phần của đề xuất dự án.

2. Đối với các dự án khu vực chưa có trong quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan xin chủ trương lập đề xuất dự án báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của UBND quận, huyện nơi có dự án hoặc Sở quản lý ngành về quy hoạch phát triển ngành (đối với các dự án có liên quan đến quy hoạch ngành) và các sở, ngành liên quan khác làm cơ sở tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

3. Đối với dự án không có trong quy hoạch ngành mà thẩm quyền phê duyệt không thuộc UBND thành phố, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối xin ý kiến các bộ, ngành Trung ương để Bộ quản lý ngành xem xét, có ý kiến và dự thảo văn bản để UBND thành phố xem xét bổ sung theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Lập, thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án

1. Sau khi được UBND thành phố thống nhất chủ trương nghiên cứu dự án theo hình thức đối tác công tư, cơ quan chuẩn bị dự án, nhà đầu tư (dự án do nhà đầu tư đề xuất) được UBND thành phố giao, tổ chức lập đề xuất dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định.

Nội dung đề xuất dự án được lập theo quy định tại Điều 16 hoặc Điều 21 (dự án do nhà đầu tư đề xuất) Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định khác có liên quan. Đối với dự án nhóm C, đề xuất dự án phải bao gồm thiết kế cơ sở và phương án tài chính.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, thẩm định trình UBND thành phố phê duyệt đề xuất dự án. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất của từng dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hội nghị tư vấn (nếu cần thiết) về nội dung đề xuất dự án. Đối với dự án nhóm C, thiết kế cơ sở và phương án tài chính phải được cơ quan chuyên môn có ý kiến thẩm định theo quy định.

Thời gian có ý kiến của các cơ quan chuyên môn là 15 ngày đối với dự án nhóm B; 20 ngày đối với dự án nhóm A. Đối với dự án nhóm C, thời gian thẩm định thiết kế cơ sở và phương án tài chính của cơ quan chuyên môn là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các dự án PPP có sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án (vốn Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ) phải được cơ quan có thẩm quyền (theo Luật Đầu tư công) phê duyệt chủ trương đầu tư sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án, để làm cơ sở xem xét phê duyệt đề xuất dự án.

Cơ quan chuẩn bị dự án (đơn vị được giao lập đề xuất dự án) tiến hành lập hồ sơ đề xuất phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền (theo Luật Đầu tư công) phê duyệt chủ trương đầu tư sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ; nguyên tắc, trình tự, thủ tục, nội dung quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP theo quy định tại Điều 33 Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

Trường hợp dự án do UBND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo phân cấp của pháp luật về đầu tư công, đề xuất dự án có thể được phê duyệt đồng thời với chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án.

Điều 9. Công bố dự án và công bố đề xuất dự án của nhà đầu tư

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đề xuất dự án được phê duyệt, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục công bố danh mục dự án; đề xuất dự án và thông tin về nhà đầu tư đề xuất dự án (dự án do nhà đầu tư đề xuất) trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định của pháp luật đấu thầu. Nội dung công bố dự án tuân thủ theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

2. Đối với đề xuất dự án do nhà đầu tư lập có nội dung liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, bí mật thương mại, công nghệ hoặc các thỏa thuận huy động vốn để thực hiện dự án cần bảo mật, Sở Kế hoạch và Đầu tư thỏa thuận với nhà đầu tư, báo cáo UBND thành phố về nội dung công bố, làm cơ sở thực hiện công bố dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương III

LẬP, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI

Điều 10. Trách nhiệm lập báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Sau khi đề xuất dự án được phê duyệt, cơ quan chuẩn bị dự án (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; Dự án nhóm C không phải lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng phải có thiết kế cơ sở và phương án tài chính trong đề xuất dự án làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư và đàm phán hợp đồng dự án.

2. Đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất và được phê duyệt theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, UBND thành phố giao cho nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

3. Việc giao cho nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa UBND thành phố và nhà đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tham mưu văn bản nêu trên cho UBND thành phố với nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

4. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và quy định khác có liên quan; đối với dự án có cấu phần xây dựng, báo cáo nghiên cứu khả thi bao gồm thiết kế cơ sở theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, chủ trì tổ chức thẩm định và trình UBND thành phố phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án nhóm A và nhóm B. Trong quá trình chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, tùy theo tính chất của từng dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hoặc tổ chức hội nghị tư vấn để lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn về nội dung dự án.

2. Đối với các dự án có nội dung thiết kế cơ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ thiết kế cơ sở đến cơ quan chuyên môn về xây dựng (cơ quan chuyên môn về xây dựng được UBND thành phố quy định tại Quyết định ban hành quy định một số nội dung về mua sắm, quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng) để tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án xây dựng.

Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở của các cơ quan chuyên môn về xây dựng là 20 ngày đối với dự án nhóm B; 30 ngày đối với dự án nhóm A kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư được thuê tư vấn thẩm tra một phần hoặc toàn bộ nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ làm cơ sở xem xét, thẩm định dự án.

Chương IV

SƠ TUYỂN VÀ KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 12. Sơ tuyển nhà đầu tư

1. Bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi, đề xuất dự án được phê duyệt, đề xuất hình thức sơ tuyển trong

trong lập, trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển. Việc sơ tuyển nhà đầu tư được thực hiện trước khi lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư để xác định các nhà đầu tư có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của dự án và mời tham gia đấu thầu rộng rãi theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ hoặc chỉ định thầu theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ.

2. Hình thức áp dụng sơ tuyển thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 16 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ. Đối với dự án PPP nhóm C, căn cứ tính chất của dự án, sau khi phê duyệt đề xuất dự án, bên mời thầu đề xuất Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định việc áp dụng sơ tuyển trong nước hoặc không áp dụng sơ tuyển.

Điều 13. Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển và công khai danh sách ngắn

1. Bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) chịu trách nhiệm phối hợp với đơn vị liên quan lập hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ, trình UBND thành phố phê duyệt.

3. Sau khi hồ sơ mời sơ tuyển được UBND thành phố phê duyệt, bên mời thầu tổ chức sơ tuyển theo quy định và lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt kết quả sơ tuyển.

4. Trường hợp lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản trình thẩm định, phê duyệt kết quả sơ tuyển phải bao gồm tên các nhà đầu tư trúng sơ tuyển và các nội dung cần lưu ý (nếu có). Trường hợp không lựa chọn được danh sách ngắn, văn bản trình thẩm định, phê duyệt kết quả sơ tuyển phải nêu rõ lý do không lựa chọn được danh sách ngắn, làm cơ sở để UBND thành phố phê duyệt kết quả sơ tuyển. Bên mời thầu thực hiện công khai danh sách ngắn theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 4 và Điểm c Khoản 1 hoặc Điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ và gửi thông báo đến các nhà đầu tư nộp hồ sơ dự sơ tuyển.

Điều 14. Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

1. Bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ và quy định khác có liên quan, tiến hành lập kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt.

2. Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư tuân thủ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

a. Tên dự án.

b. Tổng mức đầu tư, tổng vốn đầu tư dự án.

c. Sơ bộ vốn góp của Nhà nước để hỗ trợ xây dựng công trình dự án PPP, cơ chế tài chính, hình thức bảo đảm đầu tư của Nhà nước để hỗ trợ việc thực hiện dự án (nếu có).

d. Hình thức và phương thức lựa chọn nhà đầu tư

- Xác định rõ hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi hoặc chỉ định thầu, trong nước hoặc quốc tế theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ. Đối với dự án PPP nhóm C, trường hợp không áp dụng sơ tuyển, hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu rộng rãi trong nước, trừ trường hợp theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ.

- Xác định rõ phương thức lựa chọn nhà đầu tư là một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ theo quy định tại Điều 28 hoặc Điều 29 của Luật Đấu thầu.

đ. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, được ghi rõ theo tháng hoặc quý trong năm.

e. Loại hợp đồng

- Xác định rõ loại hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu.

g. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng là số năm hoặc tháng tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực đến thời điểm các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ và quy định khác có liên quan, trình UBND thành phố phê duyệt.

Chương V **LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ** **VÀ KÝ KẾT THỎA THUẬN ĐẦU TƯ, HỢP ĐỒNG DỰ ÁN**

Điều 15. Chuẩn bị lựa chọn nhà đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại, đàm phán sơ bộ hợp đồng

1. Bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) chịu trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại (bao gồm đàm phán sơ bộ hợp đồng), trình thẩm định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Chương III, Chương IV và Chương VI Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật; hồ sơ đề xuất về tài chính – thương mại (bao gồm đàm phán sơ bộ hợp đồng), kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ, trình UBND thành phố xem xét, phê duyệt.

Điều 16. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng và ký kết thỏa thuận đầu tư

1. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: Sau khi được UBND thành phố phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, kết quả đàm phán sơ bộ hợp đồng, giao bên mời thầu tổ chức đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với nhà đầu tư được lựa chọn. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ; Điều 49, 50, 51 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

2. Ký kết thỏa thuận đầu tư:

- Đối với dự án PPP nhóm A: Bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) tham mưu UBND thành phố (cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án) nội dung ký kết thỏa thuận đầu tư với nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Đối với dự án PPP nhóm B và nhóm C: Cơ quan được ủy quyền là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư được UBND thành phố phê duyệt, kết quả đàm phán hoàn thiện hợp đồng, thực hiện ký kết thỏa thuận đầu tư với nhà đầu tư theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Điều 17. Đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp dự án và ký kết hợp đồng dự án

1. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thành lập doanh nghiệp dự án: Giao bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) hỗ trợ, hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ, thủ tục cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (dự án nhóm A và B), hồ sơ thủ tục thành lập doanh nghiệp dự án theo quy định tại Điều 40, 41, 42 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày

14/02/2015 của Chính phủ. Việc thành lập doanh nghiệp dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

2. Ký kết hợp đồng: Sau khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (dự án nhóm A, B), kết thúc đàm phán hợp đồng (dự án nhóm C):

- Đối với dự án PPP nhóm A: Bên mời thầu (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) tham mưu UBND thành phố (cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án) nội dung ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Đối với dự án PPP nhóm B và nhóm C: Cơ quan được ủy quyền là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này) thực hiện ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Nội dung hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

Chương VI **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** **VỀ ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố làm đầu mối quản lý hoạt động PPP. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm:

1. Giúp UBND thành phố quản lý thống nhất hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên phạm vi thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu kế hoạch sử dụng vốn ngân sách thành phố tham gia thực hiện dự án; tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách trong kế hoạch chi đầu tư phát triển hàng năm để thực hiện thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền; thẩm định nguồn vốn ngân sách thành phố tham gia thực hiện dự án theo thẩm quyền; tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của sở, ngành và UBND quận, huyện.

4. Xây dựng và tổ chức phổ biến chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tổ chức đào tạo, tăng cường năng lực thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

5. Tổ chức xúc tiến đầu tư các dự án được công bố.

6. Theo dõi, đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện dự án theo báo cáo của các sở, ngành và đơn vị có liên quan.

7. Tổng hợp báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

8. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được quy định của Quyết định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của UBND thành phố.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu về việc sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố tham gia thực hiện dự án; tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách trong kế hoạch chi sự nghiệp để thực hiện thanh toán chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án; hướng dẫn công tác quyết toán công trình dự án; theo dõi, thu hồi ngân sách thành phố (nếu có) và các vấn đề có liên quan khác đến ngân sách thành phố.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch sử dụng vốn đầu tư của thành phố tham gia thực hiện dự án.

3. Tham gia ý kiến về các biện pháp bảo đảm đầu tư và ưu đãi đầu tư đối với dự án.

4. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo yêu cầu của sở, ngành và UBND quận, huyện.

5. Tổng hợp, đánh giá số liệu về nợ công của các dự án và các nghĩa vụ về tài chính của thành phố đối với dự án.

6. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được quy định của Quyết định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của UBND thành phố.

Điều 20. Trách nhiệm của các Sở xây dựng chuyên ngành

1. Hướng dẫn việc triển khai, thực hiện quy định về giám sát, quản lý chất lượng công trình dự án trong lĩnh vực chuyên môn phụ trách.

2. Tham gia ý kiến về các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo đề nghị của sở, ngành và UBND quận, huyện.

3. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được quy định của Quyết định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của UBND thành phố.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tham gia ý kiến về pháp lý đối với hợp đồng dự án, văn bản bảo lãnh của thành phố và các văn bản liên quan đến dự án theo đề nghị của sở, ban, ngành và UBND quận, huyện.

2. Tham gia đàm phán các vấn đề liên quan đến luật áp dụng, giải quyết tranh chấp, bảo lãnh Nhà nước, các vấn đề pháp lý khác của hợp đồng dự án và các hợp đồng liên quan theo đề nghị của sở, ban ngành và UBND quận, huyện.

3. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được quy định của Quyết định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của UBND thành phố.

Điều 22. Trách nhiệm của UBND quận, huyện

1. Tổng hợp nhu cầu về đầu tư theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

2. Rà soát, đề xuất chuyên đổi các dự án đầu tư công sang hình thức đối tác công tư trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn khi chuyên đổi.

3. Tham gia ý kiến các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền theo đề nghị của các sở, ngành.

4. Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được quy định của Quyết định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của UBND thành phố.

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan được UBND thành phố ủy quyền là cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (dự án nhóm B, nhóm C); cơ quan được UBND thành phố giao là bên mời thầu (dự án nhóm A)

1. Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện dự án PPP đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Chương VII Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

2. Giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án theo quy định tại hợp đồng dự án. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực để hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ này.

3. Thực hiện việc giám sát chất lượng công trình theo quy định.

4. Hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án việc thu phí dịch vụ và các khoản thu khác.

5. Thỏa thuận với nhà đầu tư việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, có năng lực và kinh nghiệm để thực hiện việc kiểm toán giá trị vốn đầu tư xây dựng công trình dự án.

6. Thỏa thuận các điều kiện và thủ tục chuyển giao công trình dự án; tổ chức giám định chất lượng, giá trị, tình trạng công trình theo thỏa thuận tại hợp đồng dự án, lập danh mục tài sản chuyển giao, xác định hư hại (nếu có) và yêu cầu nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thực hiện việc sửa chữa, bảo trì công trình.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được quy định của Quyết định này và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật cũng như của UBND thành phố giao.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

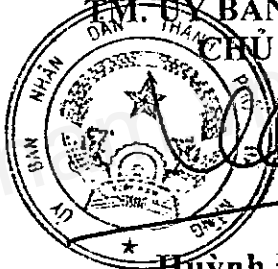
Điều 24. Quy định xử lý chuyển tiếp

Thực hiện theo quy định tại Điều 72 Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh thì các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn giải quyết hoặc tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố xử lý theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Huỳnh Đức Thọ